Ngày soạn: …… *Ngày dạy:……*

TUẦN ….. **Tiết: ……**

Bài 3
YÊU THƯƠNG VÀ CHIA SẺ
(12 tiết)

- Thương người như thể thương thân?

(*Tục ngữ Việt Nam)*

- Niềm vui được chia sẻ, niềm vui sẽ nhân đôi. Nỗi buồn được chia sẻ, nỗi buồn sẽ vơi đi một nửa!

Con chào mào

I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về kiến thức:

- Tri thức ngữ văn (cốt truyện, nhân vật trong truyện: Ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, thế giới nội tâm).
- Tác hại của sự vô cảm, Sức mạnh của giá trị nhân văn, tình yêu thương, chia sẻ từ 3 văn bản .
- Thành phần chính của câu, các cụm từ, dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính của câu.

2. Về năng lực:

- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba, nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa các nhân vật trong các văn bản.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.
- Nhận biết được tác hại của sự vô cảm, giá trị của tình yêu thương và sự chia sẻ.
- Nhận biết được cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ và hiểu được tác dụng của việc dùng các kiểu cụm từ này để mở rộng thành phần chính của câu..
- Viết được bài văn, kể được một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân, biết viết VB đảm bảo các bước.
- Kể được trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái, đồng cảm; yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ, những người thiệt thòi, bất hạnh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a) Mục tiêu: Giúp HS
- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- Khám phá tri thức Ngữ văn.

b) Nội dung:
GV yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.
HS quan sát, suy nghĩ cá nhân và tìm ra thông điệp được truyền tải qua video "Câu chuyện về hai biển hồ".

Biển Galille

Gv sử dụng những câu hỏi để HS hiểu được các tri thức ngữ văn
c) Sản phẩm: HS nêu/trình bày được
- Thông điệp qua video: Sống là biết chia sẻ không nên ích kỉ riêng mình.
- Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở).
- Tri thức ngữ văn (Miêu tả nhân vật trong truyện kể, mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ).

d) Tổ chức thực hiện:
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)
- Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:
? Tìm ra thông điệp của video? Em suy nghĩ gì về thông điệp này?
- Yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học ngữ văn trong SGK/ trang 59.
- GV chiếu Yêu cầu cần đạt lên màn hình, gọi HS đọc và nhấn mạnh những nội dung HS cần ghi nhớ.
- Yêu cầu HS đọc phần tri thức ngữ văn/SGK/60

B2: Thực hiện nhiệm vụ
HS
- Quan sát video, tìm ra thông điệp và nêu suy nghĩ cá nhân.
- Đọc phần Giới thiệu bài học, Tri thức Ngữ văn.
- Nghe, ghi nhớ các yêu cầu cần đạt.

GV:
- Quan sát và lắng nghe.

B3: Báo cáo thảo luận
GV:
- Mời ý kiến của từng HS.

HS:
- Trả lời câu hỏi của GV.

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét (câu trả lời của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc
- Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI
ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. Đọc văn bản

Văn bản (1)

CÔ BÉ BÁN DIÊM

(*Han Cri-xti-an An-đéc-xen*)

1. MỤC TIÊU

1.1 Về kiến thức:

- Những nét tiêu biểu về nhà văn An-đéc-xen.
- Người kể chuyện ở ngôi thứ ba.
- Hoàn cảnh nhân vật thể hiện qua hình dáng, hành động, ngôn ngữ, mộng ước…
- Hình ảnh ở mỗi lần quẹt diêm và ý nghĩa của những hình ảnh ấy
- Giá trị tố cáo, giá trị nhân đạo của VB

1.2 Về năng lực:

- Xác định được ngôi kể trong văn bản "Cô bé bán diêm". Phân biệt được lời kể của người kể chuyện, lời kể của nhân vật.
- Nhận biết được các chi tiết miêu tả hình dáng, công việc, quang cảnh đêm giao thừa. Từ đó hình dung ra hoàn cảnh sống của nhân vật.
- Phân tích được giá trị của những hình ảnh cô bé nhìn thấy sau mỗi lần quẹt diêm.
- Đánh giá được sự vô cảm của XH đương thời, thấy được lòng nhân ái của tác giả.
- Rút ra bài học về cách ứng xử với những người có hoàn cảnh khó khăn, cách chia sẻ, đồng cảm với cs của họ.

1.3 Về phẩm chất: Nhân ái, yêu thương, đồng cảm, thấu hiểu, chia sẻ, giúp đỡ.

2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Tranh ảnh về nhà văn An-đéc-xen và video câu chuyện "Cô bé bán diêm"
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

3. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề (Trước khi đọc)

a) Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
b) Nội dung: GV hỏi, HS trả lời.
c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.
d) Tổ chức thực hiện:
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)
? Em đã đọc một câu chuyện hoặc xem một bộ phim có nhân vật chính là trẻ em chưa? Em ấn tượng nhất với câu truyện, bộ phim nào?
? Hãy giới thiệu ngắn gọn về câu chuyện hoặc bộ phim ấy?
? Chia sẻ cảm nhận của em về nhân vật đó?
- Cho HS xem đoạn video câu chuyện cô bé bán diêm
B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân
B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV
B4: Kết luận, nhận định (GV):
Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

2.1 Đọc – hiểu văn bản

a) Mục tiêu: HS đọc, nắm nội dung của VB.
b) Nội dung: GV HD đọc, HS đọc VB.
c) Sản phẩm: Bài đọc của HS.
d) Tổ chức thực hiện:
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)
? Theo các em khi đọc VB mình nên đọc với giọng điệu ntn? Cần chú ý điều gì trong quá trình đọc và nghe bạn đọc?
B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân, trả lời
B3: Báo cáo, thảo luận: HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (Nếu chưa ổn)
B4: Kết luận, nhận định (GV): Chú ý các thẻ hướng dẫn trong sách, thực hiện theo gợi ý của các thẻ, GV đọc mẫu, chuyển ý

<table>
<tr><th colspan="2">I. TÌM HIỂU CHUNG</th></tr>
<tr><th colspan="2">1. Tác giả</th></tr>
<tr><td colspan="2">a) Mục tiêu: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn An-đéc-xen và tác phẩm “Cô bé bán diêm”.
b) Nội dung:
- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và sử dụng trò chơi Ai nhanh hơn để tạo KK sôi nổi.
- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.
c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS
d) Tổ chức thực hiện</td></tr>
<tr><th>HĐ của thầy và trò</th><th>Sản phẩm dự kiến</th></tr>
</table>

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc SGK và Tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn bằng các câu hỏi ngắn ? Tác giả của VB là 1 người rất nổi tiếng, ông là ai? Năm sinh, năm mất? ? Ông là người nước nào? ? Nước ông thuộc khu vực nào trên thế giới ? ? Khí hậu ở quốc gia này vào mùa đông như thế nào ? ? Ông nổi tiếng với thể loại truyện nào ? Dành cho đối tượng nào ? ? Đây là một số tác phẩm tiêu biểu của ông? Đố các em gọi đúng tên ? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin. **HS** quan sát SGK. **B3: Báo cáo, thảo luận** **GV** yêu cầu HS trả lời. **HS** trả lời câu hỏi của GV. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.	**I. Tìm hiểu chung:** **1. Tác giả:** - Han C. An-đéc-xen (1805 – 1875) - Nhà văn Đan Mạch - Nổi tiếng TG với những truyện cổ tích viết cho trẻ em. **Một số TP tiêu biểu của ông**

2. Tác phẩm	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, ngôi kể, bố cục…) **b) Nội dung**: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, cho HS thảo luận cặp đôi. - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ. **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS **d) Tổ chức thực hiện**	
HĐ của thầy và trò	**Sản phẩm dự kiến**
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Truyện "Cô bé bán diêm" thuộc loại truyện nào? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó? ? Truyện sử dụng ngôi kể nào? Dựa vào đâu em nhận ra ngôi kể đó? Lời kể của ai? ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** **HS**: - Đọc văn bản - Làm việc cá nhân 2', cặp đôi 3' + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 3 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập **GV**: - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động cặp đôi. **B3: Báo cáo, thảo luận**	**2. Tác phẩm** - Văn bản là truyện đồng thoại nổi tiếng nhất của nhà văn An-đéc-xen. - Nhân vật chính: Cô bé bán diêm. - Sử dụng ngôi thứ 3 (người kể dấu mình đi). - Văn bản chia làm 3 phần + P1: Từ đầu …đôi bàn tay em cứng đờ ra. → Hoàn cảnh của cô bé bán diêm. + P2: Chà...chà → Thượng đế →Những lần quẹt diêm và

HS: Trình bày sản phẩm của cặp đôi. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). **GV**: - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	mộng tưởng - P3: Còn lại. →Cái chết thương tâm của cô bé

2.2 Khám phá văn bản (Sau khi đọc)

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT

1. Hoàn cảnh của cô bé bán diêm

a) Mục tiêu: Giúp HS
- Tìm được những chi tiết nói về ngoại hình, hành động của cô bé
- Nhận xét được hoàn cảnh đáng thương của em.

b) Nội dung:
- GV Tổ chức cho HS HĐ nhóm.
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Tổ chức cho HS HĐ nhóm, hoàn thành phiếu học tập số 1 (5 phút) - Phát phiếu **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân. - Thảo luận nhóm 3 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập chung. **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần). **B3: Báo cáo, thảo luận** **GV**: - Yêu cầu đại diện các nhóm trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). **HS:** - Trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bạn. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Chốt kiến thức & chuyển dẫn nội dung tiếp theo	- Thời gian: Đêm giao thừa - Không gian: Đường phố rét dữ dội - Em bé: + Đầu trần, chân đất + Dò dẫm trong bóng tối + Bụng đói, giá rét. + Mồ côi mẹ, bà mới mất; cha nghiện rượu, em phải đi bán diêm kiếm sống. → Nghèo khổ, bất hạnh, cô đơn, vất vả.

2. Những lần quẹt diêm và mộng tưởng

a) Mục tiêu: Giúp HS
- Tìm, thống kê được những lần quẹt diêm và những hình ảnh em bé thấy
- Nhận xét được lý do, ý nghĩa, trình tự của những hình ảnh ấy.

b) Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT khăn trải bàn.
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ: **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS: - Đọc văn bản, tìm hiểu thông tin - Làm việc cá nhân 2', nhóm 5' + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình. GV: - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. **B3: Báo cáo, thảo luận** **GV**: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). **HS:** - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. - Tuyên truyền về quyền trẻ em, Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 3	**Lần** / **Hình ảnh** / **Lí do** 1 / Lò sưởi / Em rét 2 / Bàn ăn / Em đói 3 / Cây thông / Em muốn được vui chơi 4 / Bà nội / Em nhớ bà, muốn được sống cùng bà, được yêu thương ➔ 4 lần quẹt diêm là 4 mong ước giản dị, chân thành, chính đáng

3. Cái chết của cô bé bán diêm

a) Mục tiêu: Giúp HS
- Cảm nhận được sự bất hạnh của em bé.
- Thấy được tấm lòng nhân đạo và sự lên án XH vô cảm của tác giả
- Biết đồng cảm, chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn.

b) Nội dung:
- GV sử dụng KT nêu – giải quyết vấn đề.
- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).
- liên hệ thực tế, Giáo dục KNS cho HS

c) Sản phẩm: Câu trả lời phù hợp của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)	+ Em bé chết vì giá rét, ở một xó

- Tổ chức cho HS HĐ chung cả lớp trả lời các câu hỏi: ? Kể theo ngôi thứ 3 tức là người kể dấu mình đi? Vậy theo em, trong VB này, ai là người kể chuyện? Tìm những chi tiết chứng minh người kể chuyện trong câu chuyện này là tác giả? ? Tác giả đã miêu tả cái chết của em bé ntn? ? Chi tiết nào khi tác giả miêu tả hình dáng của em không phù hợp với thực tế? (hoặc khiến em ấn tượng?) ? Qua cách miêu tả này em có nhận xét gì về thái độ, tình cảm của tác giả dành cho em bé? ? Tìm những chi tiết tác giả miêu tả thái độ của mọi người qua đường khi chứng kiên sự việc? Có ai có hành động nào thể hiện lòng thương dành cho em bé không? ? Em có nhận xét gì về thái độ của họ? ? Em sẽ làm gì nếu chứng kiến một tình huống như trong câu chuyện? Vì sao em lại có cách ứng xử như vậy? - Cho HS xem tranh và giáo dục **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS: - Đọc văn bản, tìm hiểu thông tin - Suy nghĩ, trả lời, chia sẻ cảm nghĩ, cảm xúc, bổ sung cho bạn (Nếu cần) - Xem tranh, chia sẻ cảm xúc GV - Theo dõi, hỗ trợ HS. **B3: Báo cáo, thảo luận** **GV**: - Mời các HS chia sẻ ý kiến **HS:** - Chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét về lòng nhân ái và sự lên án của tác giả. - Liên hệ thực tế, giáo dục KNS, Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục nghệ thuật	tường, giữa những bao diêm → Một cái chết thương tâm. + Đôi má hồng, đôi môi đang mỉm cười → tình yêu thương của tác giả dành cho em bé (Giá trị nhân đạo) + Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà, mọi người bảo nhau: "Chắc nó muốn sưởi ấm!" → Phê phán, lên án sự thờ ơ, vô cảm của XH đối với trẻ thơ (Giá trị hiện thực)
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Phát phiếu học tập số 3 & giao nhiệm vụ: - Cho HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi số 8/ SGK trang 66 - Tổ chức cho HS thảo luận **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS: - Đọc văn bản, tìm hiểu thông tin - Làm việc cá nhân 2', nhóm 5' + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.	*** Nghệ thuật:** + Tương phản, đối lập + Cách kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa thực tại và mộng ảo ***Nội dung** Truyện kể về cô bé bán diêm trong đêm giao thừa với cái chết đau khổ

+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập. GV: - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. **B3: Báo cáo, thảo luận** **GV**: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). **HS:** - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang HĐ 3	của cuộc đời bất hạnh để lại cho ta lòng cảm thương sâu sắc.

3. HĐ 3: Hoạt động luyện tập:

a) Mục tiêu: HS tóm tắt lại VB.
b) Nội dung: GV yêu cầu HS tóm tắt Vb theo tranh, HS tóm tắt.
c) Sản phẩm: Bài tóm tắt của HS.
d) Tổ chức thực hiện:
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)
? Chiếu tranh, yêu cầu HS dựa theo tranh và những KT đã học tóm tắt lại VB?
B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân, trả lời
B3: Báo cáo, thảo luận: HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (Nếu chưa ổn)
B4: Kết luận, nhận định (GV): Chú ý giọng điệu, cách biểu cảm và trình tự VB

4. HĐ 4: Hoạt động Vận dụng: Viết kết nối với đọc

a) Mục tiêu: Giúp HS
- Hs viết được đoạn văn thể hiện cách nhìn nhận của bản thân.
- Biết sử dụng ngôi kể phù hợp đề tài.
b) Nội dung: Hs viết đoạn văn
c) Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.
d) Tổ chức thực hiện
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):
Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) với nhan đề: Gửi tác giả truyện "Cô bé bán diêm"
- Viết lại kết thúc cho truyện
- Kể cho nhà văn cảm xúc tốt đẹp do câu chuyện mang lại cho bản thân
- Chia sẻ với nhà văn về nỗi buồn, sự thờ ơ của con người trong XH hiện nay…
B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn
B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn
B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

CÁC PHIẾU HỌC TẬP CỦA VB CÔ BÉ BÁN DIÊM

+ Phiếu số 1:

Cô bé ở ngoài phố trong một đêm ntn? Vì sao em không dám về nhà	**Tìm Chi tiết miêu tả ngoại hình, hoàn cảnh của cô bé bán diêm**
…… …… …… …… …… …… ……	…… …… …… …… …… …… ……
Thời gian, không gian này có tác dụng gì trong việc khắc họa hoàn cảnh của cô bé? …… ……	
Hãy nhận xét về hoàn cảnh của cô bé bán diêm	…… ……

+ Phiếu học tập số 2:

a) Lần quẹt diêm thứ 1

- Hình ảnh: ……
- Mong ước: ……
……

b) Lần quẹt diêm thứ 2

- Hình ảnh: ……
- Mong ước: ……
……

c) Lần quẹt diêm thứ 3

- Hình ảnh: ……
- Mong ước: ……
……

d) Lần quẹt diêm thứ 4

- Hình ảnh: ……
- Mong ước: ……
……

Có thể thay đổi trình tự xuất hiện của các hình ảnh trong 4 lần quẹt diêm được không? Vì sao?

……
……
……

Em có nhận xét gì về các mong ước của em bé?

……
……
……
……
……

Nếu rơi vào tình cảnh giống cô bé bán diêm, em sẽ làm gì?

……
……
……
……
……

+ ***Phiếu số 3**: Tìm các chi tiết thể hiện nghệ thuật tương phản trong truyện*

Tình cảnh em bé bán diêm ngoài đường phố đêm giao thừa	Cảnh bên trong các ngôi nhà trên phố	Không khí ngày đầu năm	Cảnh em bé chết rét nơi xó tường
…… …… …… …… …… …… ……	…… …… …… …… …… …… ……	…… …… …… …… …… …… ……	…… …… …… …… …… …… ……
***Tác dụng**:* …… …… …… ……		***Tác dụng**:* …… …… …… ……	

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ; - Biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ. **b) Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện**	
HĐ của thầy và trò	**Sản phẩm dự kiến**
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Giao nhiệm vụ: HS làm vào phiếu học tập. - *GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và hoàn thành bài tập:* So sánh hai câu sau để nhận biết tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ: (1) Tuyết/ rơi. (2) Tuyết trắng/ rơi đầy trên đường. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** **HS**: - Đọc phần nhận biết tác dụng của	- *Dự kiến sản phẩm:* + Câu (1), mỗi thành phần chính của câu chỉ là một từ; + Câu (2), mỗi thành phần chính của câu là một cụm từ; + Chủ ngữ *tuyết trắng* cụ thể hơn *tuyết* vì có thông tin về đặc điểm màu sắc của tuyết; + Vị ngữ *rơi đầy trên đường* cụ thể hơn *rơi* vì có thông tin về mức độ và địa điểm rơi của tuyết. -> Thành phần chính của câu có thể là một từ

việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ Tr 66. **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. **B3: Báo cáo, thảo luận** **GV**: - Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). **HS**: - Trình bày kết quả làm việc cặp đôi - Nhận xét và bổ sung cho cặp đôi bạn. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cặp đôi của HS. - Chốt kiến thức lên màn hình. - Chuyển dẫn sang phần mới.	hoặc cụm từ.

2. CỤM DANH TỪ

a) Mục tiêu: Giúp HS:

- Nhận biết được cụm danh từ và phân tích được tác dụng của nó trong việc mở rộng thành phần chính của câu.
- Đặt câu với cụm danh từ cho sẵn.

b) Nội dung:

- GV chia nhóm.
- HS làm việc cá nhân 3', thảo luận 5' và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.

c) Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập mà học sinh hoàn thành.

d) Tổ chức thực hiện

HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
? Nhắc lại khái niệm: thế nào là cụm danh từ? *Dựa vào kiến thức nhận biết cụm danh từ Tr.66 hãy:* *? Cụm danh từ có cấu tạo như thế nào? Lấy ví dụ cụm danh từ và phân tích cấu tạo.*	**I. Cụm danh từ** - Cụm danh từ là tổ hợp từ gồm danh từ và các từ ngữ đi kèm tạo thành**.** - Cụm danh từ gồm ba phần: + Phần trung tâm ở giữa: là danh từ + Phần phụ trước: thường thể hiện số lượng của sự vật mà danh từ trung tâm biểu hiện + Phần phụ sau: thường nêu đặc điểm của sự vật, xác định vị trí của sự vật trong không gian, thời gian.

HS đọc phần nhận biết cụm danh từ SGK/Tr66 **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 - 4 SGK trang 66; - GV yêu cầu HS + HS làm việc cá nhân hoàn thành bài tập 1,2 Tr 66. + HS thảo luận nhóm và hoàn thành 4 bài tập tr 66.67. - GV bổ sung thêm yêu cầu: sau khi tìm được các cụm danh từ, em hãy chỉ ra các thành phần trong cụm danh từ đó và phân tích tác dụng của chúng. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài. - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài. - GV quan sát, giúp đỡ HS nếu cần. **B3: Báo cáo, thảo luận** - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - HS các nhóm nhận xét, bổ sung chéo nhau. - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. Gv hỏi bổ sung: *Cụm danh từ thường giữ chức vụ gì*	**II. Bài tập** **Bài tập 1 SGK trang 66** Cụm danh từ trong các câu là: a. – *khách qua đường* (*khách*: danh từ trung tâm; *qua đường*: phần phụ sau, bổ sung ý nghĩa về đặc điểm cho danh từ trung tâm); - *lời chào hàng của em* (*lời*: danh từ trung tâm; *chào hàng*, *của em*: phần phụ sau, miêu tả, hạn định danh từ trung tâm); b. – *tất cả các ngọn nến* (*ngọn nến*: danh từ trung tâm; *tất cả các*: phần phụ trước, bổ sung ý nghĩa chỉ tổng thể sự vật (tất cả) và chỉ số lượng (các)); - *những ngôi sao trên trời* (*ngôi sao*: danh từ trung tâm; *những*: phần phụ trước, chỉ số lượng; trên trời: phần phụ sau, miêu tả, hạn định danh từ trung tâm). **Bài tập 2 SGK trang 66** - Chỉ ra cụm danh từ đó nằm trong câu nào, đoạn nào của VB: đoạn cuối của VB; - Cụm danh từ: *Tất cả những que diêm còn lại trong bao* Danh từ trung tâm: *que diêm* Tạo ra ba cụm danh từ khác: + *Những que diêm cháy sáng lấp lánh;* + *Một que diêm bị ngấm nước;* + *Rất nhiều que diêm trong hộp diêm ấy.* - Cụm danh từ: *buổi sáng lạnh lẽo ấy* Danh từ trung tâm: *buổi sáng* Tạo ra ba cụm danh từ khác: + *Buổi sáng hôm nay;* + *Những buổi sáng nắng đẹp;* + *Một buổi sáng ấm áp.* - Cụm danh từ: *một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười* Danh từ trung tâm: *em gái* Tạo ra ba cụm danh từ khác: + *Em gái tôi;*

trong câu?	*+ Em gái có mái tóc dài đen óng;* *+ Hai em gái có cặp sách màu hồng.* **Bài tập 3 SGK trang 66** a. – *Em bé vẫn lang thang trên đường*. (Chủ ngữ là danh từ *em bé*). - *Em bé đáng thương, bụng đói rét vẫn lang thang trên đường.* (Chủ ngữ là cụm danh từ *em bé đáng thương*, *bụng đói rét*). b. – *Em gái đang dò dẫm trong đêm tối.* (Chủ ngữ là danh từ em gái). - *Một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất, đang dò dẫm trong đêm tối.* (Chủ ngữ là cụm danh từ *một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất*). - Chủ ngữ là cụm danh từ giúp câu cung cấp nhiều thông tin hơn chủ ngữ là danh từ. - Hai câu có chủ ngữ là cụm danh từ : + Cung cấp thông tin về chủ thể của hành động (*em bé*) + Cho thấy ý nghĩa về số lượng (một) và đặc điểm rất tội nghiệp, nhỏ bé, đáng thương của em (*đáng thương*, *bụng đói rét*; *nhỏ*, *đầu trần*, *chân đi đất*). Những câu văn có chủ ngữ là cụm danh từ còn cho thấy thái độ thương cảm, xót xa của người kể chuyện với cảnh ngộ đáng thương, khốn khổ của cô bé bán diêm. **Bài tập 4 SGK trang 67** a. *Gió vẫn thổi rít vào trong nhà* - Chủ ngữ: Gió; - Mở rộng chủ ngữ thành cụm danh từ: *những cơn gió lạnh*. b. *Lửa tỏa ra hơi nóng dịu dàng* - Chủ ngữ: Lửa ; - Mở rộng chủ ngữ thành cụm danh từ: *Ngọn lửa hồng*.

3. HĐ 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập: Hãy tưởng tượng và viết đoạn văn khoảng 5-7 câu về cảnh cô bé bán diêm gặp lại người bà trên thiên đường, trong đó có ít nhất một cụm danh từ làm thành phần chủ ngữ của câu.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân hoàn thành nhiệm vụ.

HS đưa ra một số chi tiết tưởng tượng hợp lý, hấp dẫn.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

4. HĐ 4: Củng cố, mở rộng

a) Mục tiêu: Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

? Hãy tìm đọc một số câu chuyện cổ tích, viết ra một vài câu có cụm danh từ làm chủ ngữ, rồi cùng chia sẻ với các bạn.

- Chia sẻ sản phẩm đến cả lớp và cô giáo vào tiết học sau.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

B3: Báo cáo, thảo luận

HS nộp sản phẩm cho GV qua nhóm zalo hoặc email.

GV gọi một vài HS lên báo cáo sản phẩm. HS khác lắng nghe, nhận xét.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho .

TIẾT ….Văn bản. GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA

(Thạch Lam)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Xác định được người kể chuyện ngôi thứ ba; nắm được cốt truyện; nhận biết và phân tích được một số chi tiết miêu tả cử chỉ, hành động, suy nghĩ,... của nhân vật Sơn. Từ đó hiểu đặc điểm nhân vật và nội dung của truyện;
- Nêu được một số điểm giống nhau và khác nhau của hai nhân vật: cô bé bán diêm và bé Hiên;
- Nhận xét, đánh giá hành động của hai chị em Sơn và cách ứng xử của mẹ Hiên, mẹ Sơn.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v…

b. Năng lực đặc thù

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Gió lạnh đầu mùa;*
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Gió lạnh đầu mùa;*
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề;

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhận thức được ý nghĩa của tình yêu thương; biết quan tâm, chia sẻ với mọi người.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, những hình ảnh liên quan đến chủ đề bài học *Gió lạnh đầu mùa*;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Học liệu: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a, Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b, Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c, Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d, Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời*:*

+ Đọc nhan đề ***Gió lạnh đầu mùa***, em dự đoán nhà văn sẽ kể câu chuyện gì?

+ Em đã từng trải qua mùa đông chưa? Khi nhắc đến mùa đông, em nghĩ ngay tới điều gì? Mùa đông có gì khác so với các mùa còn lại? Vào mùa đông, em thường làm gì để giữ cho cơ thể ấm và khỏe mạnh?

B2. Học sinh thực hiện nhiệm vụ*:* HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cá nhân.

B3. Báo cáo, thảo luận: HS chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

B4. Kết luận, nhận định: *Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*

Mỗi khi mùa đông đến, chúng ta cảm nhận được cái lạnh trong từng thớ thịt. Vào những ngày mùa đông, để giữ ấm cơ thể, chúng ta phải mặc rất nhiều quần áo ấm và đôi khi cần đến lò sưởi. Trong truyện ngắn ***Gió lạnh đầu mùa*** của Thạch Lam cũng thế, cũng có một mùa đông lạnh. Nhưng cô bé Hiên trong truyện lại không có quần áo ấm để mặc, thậm chí chiếc áo em mặc mỏng manh và đã rách tả tơi. Liệu bé Hiên có vượt qua được mùa đông lạnh lẽo này? Chúng ta cùng tìm hiểu VB ***Gió lạnh đầu mùa*** trong tiết học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động đọc - hiểu

a, Mục tiêu: Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm.

b, Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c, Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS**.**

d, Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Đọc và giới thiệu về tác giả và các tác phẩm nổi tiếng của ông? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** - Tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh; - Năm sinh - năm mất: 1910 – 1942; - Quê quán: sinh ra ở Hà Nội, lúc nhỏ sống ở quê ngoại – phố huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. - Sáng tác ở nhiều thể loại (tiểu thuyết, truyện ngắn, tùy bút,...) song thành công nhất vẫn là truyện ngắn. Truyện ngắn của Thạch Lam giàu cảm xúc, lời văn bình dị và đậm chất thơ. Nhân vật chính thường là những con người bé nhỏ, cuộc sống nhiều vất vả, cơ cực mà tâm hồn vẫn tinh tế, đôn hậu. Tác phẩm của Thạch Lam ẩn chứa niềm yêu thương, trân trọng đối với thiên nhiên, con người, cuộc sống. - Các truyện ngắn tiêu biểu của Thạch Lam: *Gió đầu mùa*, *Nắng trong vườn*, *Sợi tóc*,...
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: *+ Nêu hiểu biết của em về văn bản?* *+ Câu chuyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?* *+ Em hãy nêu phương thức biểu đạt và thể loại của VB.* *+ Bố cục VB gồm mấy phần? Nội dung của các phần là gì?* - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - GV hướng dẫn cách đọc: to, rõ ràng thể hiện rõ lời của từng nhân vật. - HS: Đọc văn bản (3 HS đọc từng đoạn; Hoạt động cá nhân) - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	**2. Văn bản** - *Gió lạnh đầu mùa* là một trong những truyện ngắn xuất sắc viết về đề tài trẻ em của Thạch Lam. - Người kể chuyện: ngôi thứ ba; - Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp miêu tả; - Thể loại: truyện ngắn; - Bố cục: + Đoạn 1: Từ đầu... *Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt*: Sự thay đổi của cảnh vật và con người khi thời tiết chuyển lạnh; + Đoạn 2: Tiếp... *trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui*: Sơn và Lan ra ngoài chơi với các bạn nhỏ ngoài chợ và quyết định cho bé Hiên chiếc áo; + Đoạn 3: Còn lại: Thái độ và cách ứng xử của mọi người khi phát hiện hành động cho áo của Sơn.

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung, nghệ thuật của VB.
b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
d. Tổ chức thực hiện:
*** Giao nhiệm vụ học tập:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV lần lượt yêu cầu HS: *+ Sau khi đọc VB **Gió lạnh đầu mùa**, em thấy gia đình Sơn có điều kiện như thế nào? Dựa vào đâu em có nhận định đó?* *+ Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi nghe mẹ và vú già trò chuyện về chiếc áo bông của em Duyên; khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên. Những suy nghĩ, cảm xúc ấy giúp em cảm nhận được gì về nhân vật này?* *+ Khi cùng chị Lan mang chiếc áo bông cũ cho Hiên, Sơn cảm thấy như thế nào? Cảm xúc ấy giúp em hiểu gì về ý nghĩa của sự chia sẻ?* *+ Hành động vội vã đi tìm Hiên để đòi lại chiếc áo bông cũ có làm em giảm bớt thiện cảm với nhân vật Sơn không? Vì sao? Nếu là Sơn, em sẽ làm gì?* - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	**II. Đọc - hiểu văn bản** **1. Hai chị em (Nhân vật Sơn và Lan)** <u>*a. Buổi sáng khi ở trong nhà*</u> - Gia cảnh: sung túc + Có vú già; + Cách xưng hô: Cách mẹ Sơn gọi em Duyên ngay từ đầu tác phẩm: "cô Duyên" - "cô" - trang trọng; Cách gọi mẹ của Sơn: "mợ" gia đình trung lưu + Những người nghèo khổ mà Sơn quen biết vẫn vào vay mượn ở nhà Sơn; - Khi nghe mẹ và vú già nói chuyện về em: *+ Sơn nhớ em, cảm động và thương em quá;* *+ Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt.* Gia đình sung túc, giàu tình cảm, lòng trắc ẩn. <u>*b. Khi ra ngoài chơi với các bạn nhỏ nghèo ở chợ*</u> - Thái độ: *Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với, chứ không kiêu kỳ và khinh khỉnh như các em họ của Sơn* - Khi thấy Hiên đứng nép một chỗ không ra chơi cùng: + Gọi ra chơi; + Hỏi: "Áo lành đâu không mặc?"; "Sao không bảo u mày may cho?" Câu hỏi có sự phát triển theo câu trả lời của Hiên Quan tâm thật lòng; + Quyết định đem cho Hiên chiếc áo: *chợt nhớ ra mẹ cái Hiên rất nghèo, thấy động lòng thương, một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong tâm trí.* tình cảm trong sáng của trẻ thơ, tâm hồn nhân hậu của chị em Sơn. <u>*c. Chiều tối khi trở về nhà*</u> - Ngây thơ, sợ hãi, đi tìm Hiên để đòi áo Lúc đó mới hiểu mẹ rất quý chiếc áo bông ấy; vẫn có sự trẻ con: đã cho bạn rồi

NV2: **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp: *+ Không gian xung quanh khi Sơn và chị Lan đi chơi với những đứa trẻ khác được miêu tả như thế nào?* *+ Nhân vật Hiên và những đứa trẻ khác ăn mặc như thế nào? Chúng có thích chơi với Sơn và chị Lan không? Chúng có dám chơi cùng không? Tại sao?* *+ Hãy chỉ ra một vài điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật Cô bé bán diêm và bé Hiên, điền vào phiếu học tập.* - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Không gian xung quanh khi Sơn và chị Lan đi chơi được miêu tả trong cái lạnh và nghèo, bẩn; + Hiên và những đứa trẻ khác ăn mặc phong phanh, rách rưới, vá víu, không đủ ấm. Chúng rất thích chơi với Sơn và Lan nhưng chúng không dám thái quá. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	còn đòi lại. Lối miêu tả chân thực, tự nhiên của Thạch Lam khi khắc họa nhân vật trẻ em. **2. Nhân vật Hiên và những đứa trẻ nghèo** <u>*a. Không gian/ khung cảnh*</u> *+ Chợ vắng không, mấy cái quán chơ vơ lộng gió, rác bẩn rải rác lẫn với lá rụng của cây đề* *+ Mặt đất rắn lại và nứt nẻ những đường nho nhỏ, kêu vang lên tanh tách dưới nhịp guốc của hai chị em* Yên ả, vắng lặng, nghèo, lại thêm mùa đông càng khắc họa sâu về tình cảnh khốn khó. <u>*b. Dáng vẻ*</u> *+ mặc không khác ngày thường, vẫn những bộ quần áo màu nâu bạc đã vá nhiều chỗ*; *+ môi tím lại, qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi*; *+ mỗi cơn gió đến, run lên, hàm răng đập vào nhau* <u>*c. Thái độ*</u> + đương đợi Sơn ở cuối chợ để chơi đánh khăng, đánh đáo *+ đều lộ vẻ vui mừng, nhưng chúng vẫn đứng xa, không dám vồ vậpnhư biết cái phận nghèo hèn của chúng vậy*; *+ giương đôi mắt ngắm bộ quần áo mới của Sơn* "giương": ngước lên và mở to có sự chú ý đặc biệt "ngắm": nhìn một cách tập trung, có sự yêu thích, ước mong Một bộ quần áo mới mà được chú ý đặc biệt và ước mong Càng khắc họa đậm hơn sự nghèo khó <u>*d. Nhân vật Hiên*</u> *- Từ nãy vẫn đứng dựa vào cột quán, co ro đứng bên cột quánTừ nãy*: thời gian dài, *co ro*: lạnh phải khúm người lại Vừa lạnh, phải chịu trong thời gian dài, lại còn có thêm mặc cảm: đứng ẩn nấp "dựa vào cột quán"; *- Gọi không lại* *- Chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay*

	- Khi được hỏi *bịu xịu* trả lời: mặt xị xuống, thường đi kèm những lời có ý buồn tủi mặc cảm, có sự tủi thân, như sắp vỡ òa. *e. So sánh Hiên với cô bé bán diêm* - Giống: + Đều là những bé gái ở trong hoàn cảnh đáng thương; + Đều thiếu thốn vật chất, và ở trong mùa đông khắc nghiệt - Khác:

	Hiên	Cô bé bán diêm
Tên	Có tên	Không tên
Không gian	Việt Nam đầu thế kỷ: đa phần nghèo	Đan Mạch/Châu Âu: tác giả khắc họa rõ nét sự đối lập giàu nghèo
Thời gian	Đầu mùa đông Cái lạnh mới bắt đầu	Chính đông, khoảnh khắc giao thừa, chuyển giao giữa năm cũ và năm mới Cô bé bán diêm đã phải chịu giá rét trong thời gian dài, đặc biệt tâm trạng sẽ buồn hơn Hiên vì đây là lúc mọi người quây quần bên gia đình đầm ấm đón chào năm mới.
Tình thương	- Hiên có nhận được tình thương của mọi người xung quanh: mẹ, bạn bè, v.v...	Cô bé bán diêm không nhận được tình yêu thương: bị bố đánh đập, mắng chửi, bị người qua lại lãnh đạm, thờ ơ
Cái kết	Cái kết có hậu, Hiên có áo ấm	Cái kết vừa có hậu vừa mang tính bi kịch, cô bé bán diêm đã chết.

NV3: **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp: *+ Em có nhận xét gì về thái độ, hành động, cách cư xử giữa 2 nhân vật mẹ của Sơn và mẹ của Hiên?* - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ: - Dự kiến sản phẩm: * Mẹ của Liên: - Nghề: chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc không đủ tiền để may áo cho con - Thái độ và hành động của mẹ Hiên khi biết Sơn cho Hiên chiếc áo: + Khép nép, nói tránh, tự trọng. * Mẹ của Sơn: - Cách cư xử nhân hậu, tế nhị.	**3. Hai người mẹ: mẹ của Sơn và mẹ của Hiên** *a. Mẹ của Hiên* - Nghề: chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc không đủ tiền để may áo cho con - Thái độ và hành động của mẹ Hiên khi biết Sơn cho Hiên chiếc áo: + Khép nép, nói tránh: "Tôi biết cậu ở đây đùa, nên tôi phải vội vàng đem lại đây trả mợ". -> Cách xưng hô có sự tôn trọng, như người dưới với người trên: Tôi – cậu – mợ; + Tự trọng: Sau khi trả xong, không xin xỏ gì mà đi về luôn. Thái độ: khép nép, nhưng cư xử đúng đắn, tự trọng của một người mẹ nghèo khổ *b. Mẹ của Sơn* - Cách cư xử nhân hậu, tế nhị của một

- Với các con, cách cư xử vừa nghiêm khắc, vừa yêu thương. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. **NV4:** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV yêu cầu: *Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB*. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	người mẹ có điều kiện sống khá giả hơn. - Với các con, cách cư xử vừa nghiêm khắc, vừa yêu thương, không nên tự tiện lấy áo đem cho nhưng mẹ vui vì các con biết chia sẻ, giúp đỡ người khác... **III. Tổng kết** **1. Nghệ thuật** - Nghệ thuật tự sự kết hợp miêu tả; - Giọng văn nhẹ nhàng, giàu chất thơ; - Miêu tả tinh tế **2. Nội dung** Truyện ngắn khắc họa hình ảnh những người ở làng quê nghèo khó, có lòng tự trọng và những người có điều kiện sống tốt hơn biết chia sẻ, yêu thương người khác. Từ đó đề cao tinh thần nhân văn, biết đồng cảm, sẻ chia, giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh.

Hoạt động 3. Luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Kể tóm tắt lại các sự việc chính trong văn bản: *Gió lạnh đầu mùa*?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân, trả lời.

B3. Báo cáo, thảo luận: Hs khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu câu trả lời chưa chính xác)

B4. Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:*

Câu 1: Vì sao mẹ Sơn lại cho mẹ Hiên vay tiền mà không cho áo?

a. Vì mẹ Sơn không muốn giúp đỡ người khác;

b. Vì mẹ Sơn muốn lấy lại số tiền cho vay;

c. Vì mẹ Sơn rất quý chiếc áo là kỷ vật của em Duyên;

d. Vì mẹ Sơn muốn giữ chiếc áo là kỷ vật của em Duyên và vẫn muốn giúp đỡ mẹ Hiên

Câu 2: Vì sao những đứa trẻ nghèo không dám lại gần chơi với Sơn và Lan?

a. Vì chúng không thích chơi với những người có điều kiện khá giả;

b. Vì Sơn và Lan có thái độ khinh khỉnh;

c. Vì chúng ngại cái nghèo của mình, biết thân biết phận;

d. Cả a và b đều đúng.

Câu 3: Vì sao sau khi đã cho Hiên cái áo, Sơn lại muốn đòi lại?

a. Vì Sơn thấy tiếc chiếc áo

b. Vì Sơn muốn trêu đùa Hiên

c. Vì Hiên không biết giữ gìn

d. Vì con Sinh bảo sẽ nói với mẹ Sơn, Sơn sợ mẹ trách

Câu 4: Vì sao mẹ Hiên lại trả lại chiếc áo?

a. Vì mẹ Hiên chê áo xấu

b. Vì Sơn đòi lại áo

c. Vì mẹ Hiên biết đó là kỷ vật của bé Duyên

d. Vì mẹ Hiên nghèo nhưng có lòng tự trọng, biết mẹ Sơn chưa có sự đồng ý.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

PHIẾU HỌC TẬP
Văn bản *Gió lạnh đầu mùa*

1. Tìm hiểu về nhân vật Sơn theo gợi dẫn dưới đây:

a. Cảm nhận của Sơn về những đổi thay của đất trời khi mùa đông đến:

.....

b. Ý nghĩ của Sơn khi nghe mẹ và vú già nói chuyện về chiếc áo bông cũ của Duyên:

.....

c. Thái độ của Sơn với những bạn nhỏ nghèo khổ:

.....

d. Suy nghĩ và hành động của Sơn trước hoàn cảnh của Hiên:

.....

2. Cảm nhận của em về nhân vật Sơn:

.....

.....

3. Nhân vật cô bé bán diêm trong *Cô bé bán diêm* và bé Hiên trong *Gió lạnh đầu mùa* có điểm gì giống, khác nhau? Hãy so sánh hai nhân vật dựa vào sơ đồ gợi ý:

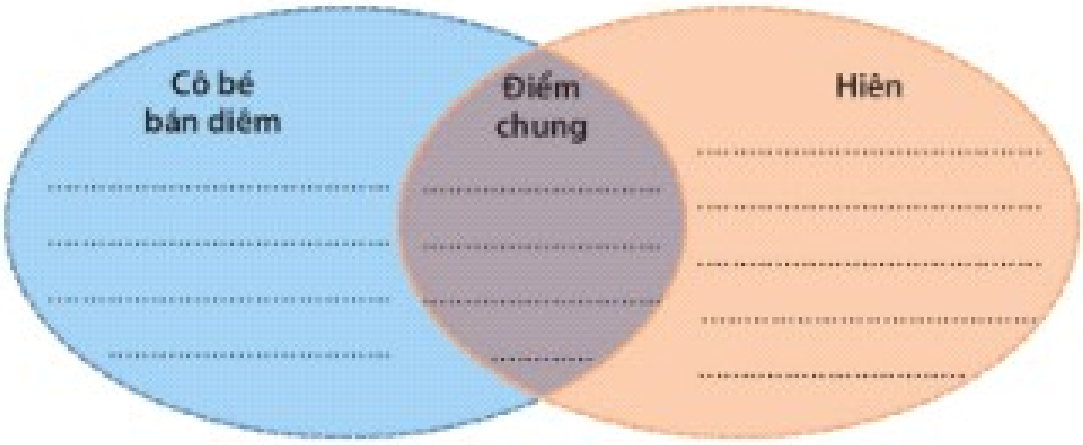

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (tt)

1. CỤM ĐỘNG TỪ VÀ CỤM TÍNH TỪ

b) Mục tiêu: Giúp HS:

- Nhận biết được cụm động từ, cụm tính từ;
- Hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ;
- Biết mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ và cụm tính từ.
- Đặt câu với cụm động từ, tính từ.

b) Nội dung:

- GV chia nhóm.
- HS làm việc cá nhân, thảo luận hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.

c) Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập mà học sinh hoàn thành.

d) Tổ chức thực hiện

HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
NVHT 1: *Các từ ngữ in đậm trong câu sau bổ sung ý nghĩa cho những từ nào? Đó là những ý nghĩa gì?* - Chúng ta đem cho nó **cái áo bông cũ**; - Mẹ cái Hiên **rất** nghèo. *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời cá nhân câu hỏi; báo cáo sản phẩm.* *- Dự kiến sản phẩm:* + ***Cái áo bông cũ*** bổ sung ý nghĩa cho cụm từ đem cho nó. Đem cho nó là một cụm động từ, ***cái áo bông cũ*** làm rõ hơn đối tượng được cho là gì – ***cụm động từ*** + ***Rất*** bổ sung ý nghĩa cho ***nghèo***. ***Nghèo*** là một tính từ, ***rất*** làm rõ hơn về mức độ của ***nghèo – cụm tính từ.*** ***GV:*** Như vậy, ngoài cụm danh từ, chúng ta có thể dùng cụm động từ và cụm tính từ để mở rộng thành phần câu. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về cụm động từ và cụm tính từ. **NVHT 2:** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**	**I. Cụm động từ và cụm tính từ:**

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm: *Em hãy đọc phần thông tin về Cụm động từ, cụm tính từ trong SGK trang 74 – 75, trả lời các câu hỏi:* *1. Thế nào là cụm động từ và cụm tính từ?* *2. Cụm động từ và tính từ có cấu tạo như thế nào? Cho ví dụ minh hoạ và phân tích cấu tạo?* **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ; - Gv quan sát, hỗ trợ HS nếu cần. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức . HS đọc phần nhận biết cụm động từ, cụm tính từ SGK/Tr 74.75 *Cụm động từ, cụm tính từ thường giữ chức vụ gì trong câu?*	*** Cụm động từ** - Cụm động từ là tổ hợp từ gồm động từ và các từ ngữ bổ trợ cho động từ tạo thành. - Cụm động từ gồm ba phần: + Phần trung tâm ở giữa: là động từ + Phần phụ trước: thường bổ sung cho động từ những ý nghĩa như: thời gian, khẳng định, phủ định, tiếp diễn… + Phần phụ sau: thường bổ sung về đối tượng, địa điểm, thời gian… *** Cụm tính từ** - Cụm tính từ gồm tính từ và một số từ ngữ khác bổ nghĩa cho tính từ. - Cụm tính từ gồm ba phần: + Phần trung tâm ở giữa: tính từ + Phần phụ trước: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về mức độ, thời gian, sự tiếp diễn,... + Phần phụ sau: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về phạm vi, mức độ,...
NVHT 1: **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 - 6 SGK trang 66; - GV yêu cầu HS: - Làm việc cá nhân hoàn thành bài tập	**II. Bài tập** **1. Bài tập 1 SGK trang 74** - Tìm một cụm động từ trong VB *Gió lạnh đầu mùa*. Ví dụ: *chơi cỏ gà ở ngoài cánh đồng*; - Xác định động từ trung tâm: động từ *chơi*; - Từ động từ trung tâm, tạo ra ba cụm động từ khác:

1,2,4 SGK Tr 74.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
- Yêu cầu hướng dẫn, yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.
- Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả
- GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.
- GV quan sát, giúp đỡ HS nếu cần.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.``
- HS báo cáo sản phẩm thảo.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- HS khác nhận xét, bổ sung chéo nhau.
- Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.

NVHT 2:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 - 6 SGK trang 66;
- GV yêu cầu HS:

-Thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập 3,5,6 SGK Tr 74,75.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
- Yêu cầu hướng dẫn, yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.
- GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.
- GV quan sát, giúp đỡ HS nếu cần.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.``

+ *đang chơi ở ngoài sân*;

+ *đang chơi kéo co*;

+ *chơi trốn tìm*.

2. Bài tập 2 SGK trang 74

	Cụm động từ	Động từ trung tâm	Ý nghĩa mà động từ đó được bổ sung
a.	- Nhìn ra ngoài sân - Thấy đất khô trắng	- Nhìn - Thấy	- Hướng, địa điểm của hành động *nhìn*; - Đối tượng của hành động *thấy*.
b.	- Lật cái vỉ buồm; - Lục đống quần áo rét.	Lật; - Lục.	Đối tượng của hành động *lật*, *lục*.
c.	Hăm hở chạy về nhà lấy quần áo	Chạy	Cách thức, hướng, địa điểm của hành động *chạy*.

3. Bài tập 3 SGK trang 74

Tìm thêm trong VB *Gió lạnh đầu mùa* hai câu văn có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ và cho biết tác dụng của cách diễn đạt đó. Ví dụ:

(1) Chị Sơn và mẹ Sơn *đã trở dậy, đang ngồi quạt hỏa lò để pha nước chè uống*.

(2) Mẹ Sơn *lật cái vỉ buồm, lục đống quần áo rét*.

- HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- HS các nhóm nhận xét, bổ sung chéo nhau.
- Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.

(3) Sơn *lo quá, sắp ăn, bỏ đũa đứng dậy, van*.

Tác dụng: Kiểu câu có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ thường thông báo một chuỗi hoạt động kế tiếp nhau (câu 1, 2) hoặc nguyên nhân – kết quả (câu 3: trạng thái *lo quá* ở nhân vật Sơn dẫn đến kết quả *sắp ăn, bỏ đũa đứng dậy, van*.

4. Bài tập 4 SGK trang 74

- Tìm một cụm tính từ trong truyện *Gió lạnh đầu mùa*: *đã cũ*.

- Xác định tính từ trung tâm: *cũ*.

- Tạo ra ba cụm tính từ khác từ tính từ trung tâm:

+ *chưa cũ*;

+ *cũ lắm*;

+ *rất cũ*.

5. Bài tập 5 SGK trang 74 – 75

	Cụm tính từ	Tính từ trung tâm	Ý nghĩa mà tính từ đó được bổ sung
a.	Trong hơn mọi hôm	Trong	Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa so sánh
b.	Rất nghèo	Nghèo	Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa chỉ mức độ

6. Bài tập 6 SGK trang 75

Mở rộng vị ngữ thành cụm tính từ:

a. Trời rét Trời rét hơn mọi hôm;

	b. Tòa nhà cao Tòa nhà cao quá; c. Cô ấy đẹp Cô ấy đẹp vô cùng.

3. HĐ 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập: Vết đoạn văn khoảng 5-7 câu về cảm xúc của em lúc giao mùa, trong đó có ít nhất một cụm động từ hoặc một cụm tính từ làm thành phần chính của câu.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân hoàn thành nhiệm vụ.

HS đưa ra một số chi tiết tưởng tượng hợp lý, hấp dẫn.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

4. HĐ 4: Củng cố, mở rộng

a) Mục tiêu: Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

? Hãy tìm đọc một số số văn bản viết về sự chuyển mùa trong năm và chỉ ra một vài câu có cụm động từ, cụm tính từ làm thành phần chính của câu, rồi cùng chia sẻ với các bạn.

- Chia sẻ sản phẩm đến cả lớp và cô giáo vào tiết học sau.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

B3: Báo cáo, thảo luận

HS nộp sản phẩm cho GV qua nhóm zalo hoặc email.

GV gọi một vài HS lên báo cáo sản phẩm. HS khác lắng nghe, nhận xét.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho .

VĂN BẢN

CON CHÀO MÀO

(Mai Văn Phấn)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Bổ sung, mở rộng chủ đề của bài học: Yêu thương, chia sẻ không chỉ là tình cảm đẹp đẽ, quý giá giữa con người với con người mà còn là tình yêu, sự trân trọng, ý thức bảo vệ thiên nhiên,... của con người.

HS tiếp tục hình thành, phát triển năng lực đọc hiểu tác phẩm thơ (thể loại chính HS được học ở bài 2).

HS biết yêu cái đẹp và có ý thức gìn giữ, bảo vệ thiên nhiên.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v…

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Con chào mào;*
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Con chào mào;*
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề;

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương, chia sẻ không chỉ là tình cảm đẹp đẽ, quý giá giữa con người với con người mà còn là tình yêu, sự trân trọng cái đẹp, ý thức bảo vệ thiên nhiên,... của con người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh có liên quan đến văn bản *Con chào mào*;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu:Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

2. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

3. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:

+ Em hãy kể tên một số loài vật mà em biết? Hãy bày tỏ tình cảm của mình đối với một con vật mà em yêu thích?

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ của mình.*

- *Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*Cuộc sống cần có tình yêu thương. Tình yêu thương ấy không chỉ là tình yêu thương giữa con người với con người, mà còn bao gồm cả tình yêu thương, sự trân trọng của con người với các loài vật, với vẻ đẹp của thiên nhiên. Con người chính là một phần của tự nhiên, vì vậy ta phải bảo vệ nó. Tiết học hôm nay, thầy/cô trò ta sẽ cùng tìm hiểu về tình yêu thiên nhiên thông qua văn bản *Con chào mào* của nhà thơ Mai Văn Phấn.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Mục tiêu: Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.
2. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.
3. Sản phẩm : HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
4. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV & HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả và tác phẩm; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức ➔ Ghi lên bảng.	**1. Tác giả** - Tên: Mai Văn Phấn - Năm sinh: 1955 - Quê quán: Ninh Bình - Ông sáng tác thơ và viết tiểu luận phê bình. Thơ Mai Văn Phấn rất phong phú về đề tài; có những cách tân về nội dung và nghệ thuật; một số bài thơ được dịch ra nhiều thứ tiếng. **2. Tác phẩm** Bài thơ *Con chào mào* được trích trong *Bầu trời không mái che*, NXB Hội nhà văn, 2010.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Mục tiêu: HS nhận biết được cách đọc, thể loại, bố cục văn bản.
2. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
3. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
4. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV & HS	Nội dung
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV chỉ định một vài HS đọc thành tiếng bài thơ. - GV yêu cầu HS dựa vào VB vừa đọc, trả lời các câu hỏi:	**1. Đọc- từ khó** **2. Thể loại:** thơ tự do **3. Phương thức biểu đạt:** Biểu cảm **4. Bố cục:** 3 phần

+ Giải thích một số từ khó + Phương thức biểu đạt? + Thể loại của VB là gì? + Bố cục VB gồm mấy phần? Nêu nội dung của các phần. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV & HS)** **HS**: - Đọc văn bản - Giải thích nghĩa của từ - Hoạt động cá nhân **GV**: - Theo dõi, quan sát HS hoạt động - Hướng dẫn HS - Hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn **B3: Báo cáo, thảo luận (GV & HS)** **GV**: - Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá **HS**: - Trả lời câu hỏi - Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái độ làm việc nhóm của HS - Đánh giá sản phẩm nhóm của HS - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.	+ Phần 1: Khổ 1: Hình ảnh và tiếng hót của con chào mào; + Phần 2: Khổ 2, 3, 4: Suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật "tôi"muốn giữ con chim ở lại bên mình; + Phần 3: Còn lại: hình ảnh và tiếng chim chào mào đã được nhân vật "tôi" lưu giữ trong ký ức.

III. TÌM HIỂU CHI TIẾT	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	**NỘI DUNG**
1. Mục tiêu: HS hiểu được nội dung và nghệ thuật bài thơ. **2. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. **3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS. **4. Tổ chức thực hiện:**	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS lần lượt trả lời các câu hỏi: *+ Em có thể hình dung, tưởng tượng những gì khi đọc ba dòng thơ đầu?* *+ Hãy nêu những ý nghĩ, cảm xúc của nhân vật "tôi" khi "vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ".* *+ Vì sao lúc đầu nhân vật "tôi""sợ chim bay đi" nhưng kết thúc bài thơ lại khẳng định: "Chẳng cần chim lại bay về/ Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ"?*	***1. Hình ảnh và tiếng hót của con chào mào*** - Vị trí: trên cây cao chót vót → Khung cảnh thiên nhiên thoáng đãng, bình yên. - Màu sắc: đốm trắng màu đỏ → Màu sắc rực rỡ - Âm thanh: hót triu... uýt... huýt... tu hìu... → Tiếng hót dài, trong

+ Tiếng hót mà nhân vật "tôi" nghe "rất rõ" vang lên từ đâu (trên cây cao chót vót hay trong tâm hồn)? Tiếng hót ấy cho thấy trạng thái cảm xúc nào của nhân vật "tôi" (vui hay buồn, hạnh phúc hay đau khổ,...)? Vì sao nhân vật "tôi" có thể cảm thấy như vậy? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức ➔ Ghi lên bảng.	trẻo. Đây không chỉ là âm thanh của tiếng chim hót mà còn là âm thanh vang vọng của thiên nhiên => Bút pháp tả thực, bức tranh tràn ngập màu sắc và âm thanh. ***2. Cảm xúc của nhân vật "tôi" về tiếng chim.*** <u>*a. Lúc đầu*</u> - *"Vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ", "Sợ chim bay đi"* → Thích tiếng chim, muốn tiếng chim là của riêng mình ("độc chiếm"), muốn giữ mãi ở bên cạnh. <u>*b. Lúc sau*</u> - *"Chẳng cần chim lại bay về/ Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ"* → Vẫn rất thích tiếng chim, nhưng hiểu chim chào mào là một phần của thiên nhiên → Trân trọng tiếng chim và lưu giữ nó trong ký ức của thiên nhiên và tình yêu của con người đối với thiên nhiên.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp theo bàn - Phát phiếu học tập: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Ý nghĩa của văn bản. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** **HS**: - Suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ra giấy. - Làm việc nhóm 5' (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập). **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **B3: Báo cáo, thảo luận** **HS**: - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. **GV**: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.	IV. Tổng kết ***1. Nghệ thuật*** - Thể thơ tự do phù hợp với mạch tâm trạng, cảm xúc; - Sử dụng phép điệp ngữ . ***2. ý nghĩa*** Bài thơ miêu tả vẻ đẹp của chú chim chào mào. Từ đó ta thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên và tình yêu của con người đối với thiên nhiên.

B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Chuyển dẫn sang đề mục sau.	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

2. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

3. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- *GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm hoặc tổ chức cuộc thi kể lại VB thơ vừa được học.*

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

2. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

3. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

4. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- *GV yêu cầu HS:* Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) miêu tả một hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp được em lưu giữ trong ký ức.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trình bày bài làm của mình.
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức.

B. VIẾT

VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Người kể chuyện ngôi thứ nhất
- Trải nghiệm đáng nhớ của bản thân

- Cảm xúc của người viết trước sự việc được kể,
- Ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với người viết.

2. Về năng lực:

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.
- Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ
- Tập trung vào sự việc đã xảy ra
- Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo trình tự hợp lí.
- Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyên

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, máy chiếu, máy tính.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HĐ 1: Xác định vấn đề

<table>
<tr><th colspan="2">GIỚI THIỆU KIỂU BÀI</th></tr>
<tr><td colspan="2">a) Mục tiêu:
- Biết được kiểu bài kể về một trải nghiệm.
- Nhận biết được ngôi kể thứ nhất trong văn kể chuyện.
b) Nội dung:
- GV hỏi, HS trả lời.
c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.
d) Tổ chức thực hiện</td></tr>
<tr><th>HĐ của thầy và trò</th><th>Sản phẩm dự kiến</th></tr>
<tr><td>B1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV hỏi:
- Sắp xếp các tác phẩm sau thành 2 nhóm? Cho biết đâu là nhóm các tác phẩm kể lại 1 trải nghiệm? Vì sao?
- Em hãy chia sẻ ngắn gọn trải nghiệm mà em đã viết ở bài 1?</td><td>- Nhận diện kiểu bài kể lại 1 trải nghiệm:
- Kể về 1 trải nghiệm của bản thân
- Sử dụng ngôi kể thứ nhất: người kể xưng</td></tr>
</table>

- Trải nghiệm đó đem đến cho em bài học gì? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** **HS:** - Suy nghĩ và trả lời - HS chia sẻ lại trải nghiệm của bản thân. **GV**: - Dự kiến KK HS gặp: Không giải thích được vì sao ? Chưa biết nêu lên bài học từ trải nghiệm. - Tháo gỡ bằng cách đặt thêm câu hỏi phụ: - Nhóm các truyện này sử dụng ngôi kể thứ mấy? kể về trải nghiệm gì? ?Vì sao em lại lựa chọn trải nghiệm này? Nó có ý nghĩa như thế nào với em? **B3: Báo cáo, thảo luận** - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi - HS trả lời **B4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét câu trả lời của HS - Kết nối với mục "*Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm*".	*"tôi"*

HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM
a) Mục tiêu: HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài kể lại một trải nghiệm ở mức độ cao hơn trên cơ sở tiết học trước: **- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.** **- Biết cách kể trải nghiệm của bản thân** **- Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo trình tự hợp lí.** **- Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện.**

- Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể; rút ra được ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với người viết.

b) Nội dung:

- GV chia nhóm lớp

- Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập

c) Sản phẩm: Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành.

d) Tổ chức thực hiện

HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Theo em, một bài văn kể lại 1 trải nghiệm đáng nhớ cần có những yêu cầu gì? ? So sánh với những yêu cầu đã học ở bài 1, có điểm gì mới? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - Làm việc cá nhân 2'. - Làm việc nhóm 3' để thống nhất ý kiến **B3: Báo cáo, thảo luận** - **GV** yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm. **HS:** - Trình bày sản phẩm nhóm. - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần). **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức. - Kết nối với đề mục sau	- Người kể chuyện: Ngôi thứ nhất thường là người kể xưng "tôi" - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ. - Tập trung vào sự việc đã xảy ra. - Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo trình tự hợp lí. - Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể vê' thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện. - Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể; rút ra được ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với người viết.

ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO

a) **Mục tiêu:**

- Bài viết tham khảo kể về kỉ niệm buồn của bản thân, một lần hiểu lầm trong tình bạn.
- Biết được ngôi kể thứ nhất trong văn kể chuyện (người kể chuyện xưng "tôi").
- Chỉ ra các chi tiết miêu tả cụ thể.
- Chỉ ra được các phần của bài văn (mở bài, thân bài, kết bài).

b) **Nội dung:**

- HS đọc SGK
- Thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ **GV** hỏi: Bài viết kể về kỉ niệm gì của tác giả? ?Vì sao em biết câu chuyện này được kể theo ngôi thứ nhất? GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm Nhóm 1: Phần nào, đoạn nào giới thiệu câu chuyện? Nhóm 2: Phần nào tập trung vào các sự việc của câu chuyện? Đó là những sự việc nào? Nhóm 3: Những từ ngữ nào trong bài văn cho thấy câu chuyện được kể theo trật tự thời gian và quan hệ nhân quả? Nhóm 4: Những chi tiết nào miêu tả cụ thể thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện? Nhóm 5: Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc của người viết trước sự việc được kể? Nhóm 6: Dòng, đoạn nào chỉ ra lí do đây là trải nghiệm có ý nghĩa với người viết, giúp người viết thay đổi thái độ và hành động? .**GV** yêu cầu: HS kể lại ngắn gọn câu chuyện theo các sự việc được xác định. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** **HS**:	**Bài mẫu**: - Kể về một câu chuyện buồn, một lần hiểu lầm trong tình bạn. - Ngôi kể thứ nhất: người kể chuyện xưng "tôi" - Các phần: + Đoạn 1: Giới thiệu trải nghiệm. + Đoạn 2,3,4,5,6: Tập trung vào các sự việc chính của câu chuyện. + Đoạn 7: Nêu lên cảm xúc của bản thân. + Đoạn 8: Chỉ ra sự quan trọng của trải nghiệm đối với bản thân. - Các sự việc:

- Đọc SGK và trả lời câu hỏi - Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao. **GV**: - Hướng dẫn HS trả lời - Quan sát, theo dõi HS thảo luận **B3: Báo cáo thảo luận** **HS**: - Trả lời câu hỏi của GV - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần). **GV**: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm **B4: Kết luận, nhận định** **GV:** - Nhận xét + Câu trả lời của HS + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm + Sản phẩm của các nhóm - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau	+ Sự việc 1: Bản tổng hợp đầu năm học mà "tôi" đã chuẩn bị rất công phu bị ai đó vẽ nguệch ngoạc vào. + Sự việc 2: "Tôi" nghĩ chắc chắn Duy là thủ phạm nhưng Duy khóc,không nhận lỗi. + Sự việc 3: Tuấn đã đứng lên nhận lỗi trước cô giáo và cả lớp. + Sự việc 4: "Tôi" xấu hổ và ân hận vì lỗi lầm của mình.

THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC
a) Mục tiêu: Giúp HS - Biết viết bài theo các bước. - Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý. - Tập trung vào những sự việc đã xảy ra. - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. **b) Nội dung:** - GV sử dụng KT công não để hỏi HS về việc lựa chọn đề tài. - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV. **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS. **d) Tổ chức thực hiện**

<table>
<tr><th>HĐ của thầy và trò</th><th>Sản phẩm dự kiến</th></tr>
<tr>
<td>
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.
? Liệt kê những sự việc đáng nhớ trong cuộc đời theo trình tự thời gian? Sự việc nào để lại cho ấn tượng sâu sắc và có ý nghĩa
? Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý cho đề tài mà em lựa chọn?

? Sửa lại bài sau khi đã viết xong?
B2: Thực hiện nhiệm vụ
GV:
- Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý.(Phiếu số 1)
HS:
- Xác định mục đích viết bài, người đọc?
- Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.
- Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.
- Lập dàn ý ra giấy và viết và viết bài theo dàn ý.
- Sửa lại bài sau khi viết.
B3: Báo cáo thảo luận
- GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.
HS:
- Đọc sản phẩm của mình.
- Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.
B4: Kết luận, nhận định (GV)
- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.
</td>
<td>
1. Trước khi viết
a) Lựa chọn đề tài
b) Tìm ý
<table>
<tr><td>Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào?</td><td>……
…..</td></tr>
<tr><td>Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì?</td><td>……
…….
……</td></tr>
<tr><td>Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào?</td><td>……
……</td></tr>
<tr><td>Vì sao truyện lại xảy ra như vậy?</td><td>……
……</td></tr>
<tr><td>Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện?</td><td>……
……
……</td></tr>
<tr><td>Câu chuyện đó cho em rút ra bài học gì? Nó có ý nghĩa, sự quan trọng ntn đối với em?</td><td>……
……
……</td></tr>
</table>
c) Lập dàn ý

- <u>Mở bài</u>: Giới thiệu câu chuyện.
<u>- Thân bài</u>: Kể diễn biến câu chuyện.
+ Giới thiệu thời gian, không gian xảy ra câu chuyện và những người có liên quan.
+ Kể lại các sự việc trong câu chuyện theo trình tự hợp lý:
(Thời gian, không gian, nguyên nhân kết quả, mức độ quan trọng của sự việc….)
• Sự việc 1
• Sự việc 2
• Sự việc 3
</td>
</tr>
</table>

	• … - *Kết bài*: Nêu cảm xúc của người viết và và rút ra ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với bản thân. **2. Viết bài** - Kể theo dàn ý - Nhất quán về ngôi kể - - Sử dụng những yếu tố của truyện như cốt truyện, nhân vật… **3. Chỉnh sửa bài viết** - Đọc và sửa lại bài viết

TRẢ BÀI	
a) **Mục tiêu:** Giúp HS - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết. - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn. b) **Nội dung:** - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn. - HS đọc bài viết, làm việc nhóm. **c) Sản phẩm:** Bài đã sửa của HS. **d) Tổ chức thực hiện**	
HĐ của thầy và trò	**Sản phẩm dự kiến**
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc và hoàn thành phiếu nhận xét **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - GV giao nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm cặp **B3: Báo cáo thảo luận** - GV yêu cầu HS trình bày phiếu học tập (Phiếu số 2)	Bài viết đã được sửa của HS

- HS trình bày sản phẩm, học sinh khác theo dõi, nhận xét, bổ sung **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - GV nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết. *- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.*	

C. NÓI VÀ NGHE

KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Ngôi kể và người kể chuyện
- Trải nghiệm đáng nhớ của bản thân

2. Về năng lực:

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.
- Nói được về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân
- Biết kết hợp ngôn ngữ nói với điệu bộ, cử chỉ, nét mặt (Ngôn ngữ hình thể)
- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài kể lại một trải nghiệm

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái, trân trọng những trải nghiệm, những giá trị cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.(Phiếu số 3)

III . TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HĐ 1: Xác định vấn đề

a) Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

b) Nội dung:

- GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.
- HS quan sát video và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm:

- HS xác định được nội dung của tiết học là nói về một trải nghiệm của bản thân

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Cảm xúc của em khi xem đoạn video? Từ hình ảnh em bé ấy em thấy mình cần phải làm gì để chung tay đẩy lùi dịch bệnh covid – 19? Em hãy chia sẻ trải nghiệm của mình về đại dịch covid – 19?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân
- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết nối vào bài

HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

<table>
<tr><th colspan="2">TRƯỚC KHI NÓI</th></tr>
<tr><td colspan="2">a) Mục tiêu:
- HS xác định được mục đích nói và người nghe
- Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói
b) Nội dung:
- GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.
- HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.
c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS
d) Tổ chức thực hiện</td></tr>
<tr><th>HĐ của thầy và trò</th><th>Sản phẩm dự kiến</th></tr>
<tr><td>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)
? Mục đích nói của bài nói là gì?
? Những người nghe là ai?
? Đánh dấu ghi lại những nội dung quan trọng trong bài viết của mình.
B2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS suy nghĩ câu hỏi của GV.</td><td>1. Chuẩn bị nội dung
- Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).
- Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.</td></tr>
</table>

- Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi. - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ. ? Đánh dấu ghi lại những nội dung quan trọng trong bài viết của mình. - HS suy nghĩ câu hỏi của GV. - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi. - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ, câu hỏi gợi ý. ? Tìm những từ ngữ chỉ thời gian, không gian, câu văn trình bày diễn biến, câu văn trình bày cảm xúc, câu văn thể hiện ý nghĩa… **B3: Thảo luận, báo cáo** - HS trả lời câu hỏi của GV. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, nooi dung nois	**2. Tập luyện** - HS nói một mình trước gương. - HS nói tập nói trước nhóm/tổ.

TRÌNH BÀY NÓI	
a) **Mục tiêu:** - Luyện kĩ năng nói cho HS - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông. b) **Nội dung:** GV yêu cầu : - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn. **c) Sản phẩm:** Sản phẩm nói của HS **d) Tổ chức thực hiện**	
HĐ của GV & HS	**Dự kiến sản phẩm**
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.	- HS nói trước lớp - Yêu cầu nói: + Nói đúng mục đích (kể

B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại dàn ý của HĐ viết - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí **B3: Thảo luận, báo cáo** - HS nói (4 – 5 phút). - GV hướng dẫn HS nói **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.	lại một trải nghiệm). + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp.

TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI	
a) **Mục tiêu:** Giúp HS - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. **b) Nội dung:** - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả. **Sản phẩm:** Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS. **Tổ chức thực hiện**	
HĐ của GV & HS	**Dự kiến sản phẩm**
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí. - Yêu cầu HS đánh giá **B2: Thực hiện nhiệm vụ** **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy. **B3: Thảo luận, báo cáo** - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.	- Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. - Nhận xét của HS

B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau.	

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Đóng vai nhân vật Cô bé bán diêm, kể lại câu chuyện.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.
- GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, đóng vai nhân vật xưng "tôi".

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Hoạt động 4: Củng cố, mở rộng

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Kẻ bảng vào vở theo mẫu và điền thôn tin ngắn gọn về 2 văn bản Cô bé bán diêm và Gió lạnh đầu mùa?

Văn bản Đặc điểm	Cô bé bán diêm	Gió lạnh đầu mùa
Thể loại		
Nhân vật		
Người kể chuyện		

Bài tập 2: Chọn 1 truyện kể mà em yêu thích và chỉ ra các yếu tố của truyện trong văn bản đó.Cụ thể: - Cốt truyện.

- Nhân vật
- Người kể chuyện

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI

+ Phiếu số 1

PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT CHO BẠN

Họ và tên người chỉnh sửa:…….

Họ và tên tác giả bài viết:……

Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của bạn và giúp bạn hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1.Bài viết giới thiệu đươc trải nghiệm đáng nhớ chưa?

……..……

2. Nội dung bài viết được sắp xếp theo trình tự hợp lý chưa?

……..……

3. Bài viết có sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô không?

……..……

4. Có bổ sung nội dung cho bài viết không?(Nếu có hãy viết rõ ý bổ sung)

……..……

5. Có nên lược bỏ câu hay đoạn văn trong bài viết không?(Nếu có hãy viết rõ câu đoạn văn đó)

……..……

6. Bài viết có mắc lỗi chính tả và diễn đạt không?(Nếu có hãy viết rõ các lỗi cần sửa chữa)

……

+ Phiếu số 2

PHIẾU TÌM Ý

Họ và tên HS: ……

Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn Kể lại một trải nghiệm của bản thân

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.

Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào?	……
Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì?	……
Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào?	……
Vì sao truyện lại xảy ra như vậy?	……
Cảm xúc của em như thế nào khi	……

Phiếu số 3

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
Nhóm:……			
Tiêu chí	***Mức độ***		
	Chưa đạt (0 điểm)	***Đạt(1 điểm)***	***Tốt(2 điểm)***
1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa	Chưa có chuyện để kể.	Có chuyện để kể nhưng chưa hay.	Câu chuyện hay và ấn tượng.
2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn	ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện.	Có đủ chi tiết để hiểu người nghe hiểu được nội dung câu chuyện.	Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng…	Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu.	Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng.
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm	Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.